TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 134/2024/QĐST-DS	*Thạnh Phú, ngày 26 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 383/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Phương L, sinh năm 1979; địa chỉ: 215/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm: 1984; địa chỉ: 518B ấp 2, xã P, Thành phố B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1967 và bà Lưu Thị B, sinh năm: 1970; cùng địa chỉ: 146/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Mạnh H, sinh năm: 1990; địa chỉ liên lạc: 768D ấp C, xã , Thành phố B, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đoàn Thị L, sinh năm: 1979; địa chỉ: 215/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L: Ông Lê Hữu T, sinh năm: 1984; địa chỉ: 518B ấp 2, xã P, Thành phố B, tỉnh B.

+ Chị Phan Thị Bé T, sinh năm: 1992; địa chỉ: 290/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị B Thơ: Ông Hàn Dũng Q, sinh năm: 1978; địa chỉ liên hệ: 95F khu phố 4, phường P, Thành phố B, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Phan Văn H được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng các phần đất gồm: diện tích 8,9 m^2 (ký hiệu 273a), diện tích 34,7 m^2 (ký hiệu 273b) cùng thuộc một phần thửa đất số 273, tờ bản đồ số 09 và diện tích 0,4 m^2 (ký hiệu 31d) thuộc một phần thửa đất 31, tờ bản đồ số 09; cùng tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B cùng tất cả các công trình kiến trúc, cây trồng, ….. có trên đất.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất số 31- 273, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B kèm theo.

- Ông Phan Văn H, bà Lưu Thị B và chị Phan Thị Bé T có nghĩa vụ liên đới giao số tiền 40.000.000 đồng cho ông Võ Phương L và bà Đoàn Thị L. Thời hạn giao tiền khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Bé T, bà Lưu Thị B không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Ông Võ Phương L, ông Phan Văn H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục về quyền sử dụng đất đối với các phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng:

+ Ông Võ Phương L tự nguyện chịu 3.185.000 đồng và đã nộp xong.

+ Ông Phan Văn H, bà Lưu Thị B và chị Phan Thị Bé T tự nguyện liên đới hoàn trả cho ông Võ Phương L số tiền 3.185.000 đồng.

2.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Phương L tự nguyện chịu 575.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0000266 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án huyện Thạnh Phú nên ông Võ Phương L có nghĩa vụ nộp thêm số tiền là 275.000 đồng.

+ Ông Phan Văn H, bà Lưu Thị B và chị Phan Thị B Thơ tự nguyện liên đới chịu 575.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung